Ngày soạn: / /2025

Ngày dạy: / /2025

**Bài 46: CÂN BẰNG TỰ NHIÊN**

***Thời gian thực hiện: 2 tiết (tiết 40,41)***

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được khái niệm cân bằng tự nhiên.

- Trình bày được các nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên.

- Phân tích được một số biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên.

**2.1. Năng lực chung:**

*- Tự chủ và tự học:* Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về khái niệm cân bằng tự nhiên; ngyên nhân mất cân bằng tự nhiên và các biện pháp bảo vệ,duy trì cân bằng tự nhiên.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Thảo luận nhóm một cách có hiệu quả khi thực hiện các nhiệm vụ học tập

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên :**

*Nhận thức khoa học tự nhiên:*

- Nêu được khái niệm cân bằng tự nhiên.

- Trình bày được các nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên.

- Phân tích được một số biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên.

*Tìm hiểu tự nhiên:*

- Tìm hiểu được khái niệm cân bằng tự nhiên.

- Tìm hiểu được các nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên.

- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên.

*Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* Vận dụng được hiểu biết về cân bằng tự nhiên, nguyên nhân gây mắt cân bằng tự nhiên và các biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên để giải quyết một số vấn đề của thực tiễn cuộc sống.

**3. Phẩm chất:** Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm tìm hiểu khái niệm cân bằng tự nhiên; ngyên nhân mất cân bằng tự nhiên và các biện pháp bảo vệ,duy trì cân bằng tự nhiên.

- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ.

- Trung thực trong báo cáo, thảo luận hoạt động nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Bài Soạn + GA powerpoint + Máy tính, tivi.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Vở ghi + SGK + Đồ dùng học tập + Đọc trước bài ở nhà.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập, tạo tâm thế hứng thú, sẵn sàng tìm hiểu kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS cá nhân đưa ra câu trả lời cho tình huống GV đưa ra.

**c. Sản phẩm:** Các câu trả lời của HS (có thể đúng hoặc sai).

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh cá nhân đưa ra câu trả lời cho tình huống: *Cơ thể có quá trình tự điều chỉnh thích ứng với môi trường, ví dụ: quá trình điều hòa thân nhiệt ở động vật hằng nhiệt. Ở cấp độ tổ chức sống trên cơ thể cũng có quá trình tự điều chỉnh để đạt được trạng thái cân bằng tự nhiên. Cân bằng tự nhiên là gì? Cân bằng tự nhiên biểu hiện như thế nào và có ý nghĩa ra sao đối với việc duy trì sự sống?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  -Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi HS trình bày câu trả lời.  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, ghi nhận các ý kiến của HS.  - GV chưa chốt kiến thức mà dẫn dắt vào bài học mới: *Để giải thích câu hỏi này đầy đủ và chính xác, chúng ta cùng đi vào bài học ngày hôm nay.* | *Gợi ý câu trả lời của hoạt động khởi động:*  - Cân bằng tự nhiên là trạng thái ổn định tự nhiên của các cấp độ tổ chức sống, hướng tới sự thích nghi cao nhất với điều kiện sống.  - Cân bằng tự nhiên biểu hiện ở trạng thái cân bằng của quần thể, hiện tượng khống chế sinh học trong quần xã, trạng thái ổn định tự nhiên của hệ sinh thái,…  - Ý nghĩa của cân bằng tự nhiên đối với việc duy trì sự sống: Cân bằng tự nhiên đảm bảo duy trì sự ổn định tương đối của các cấp độ tổ chức sống để phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường. Nhờ đó, bảo vệ được sự đa dạng sinh học. |

**2. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về cân bằng tự nhiên.**

**a. Mục tiêu:** Nêu được khái niệm cân bằng tự nhiên.

**b. Nội dung:**

- HS nghiên cứu thông tin phần I SGK/188 và đưa ra khái niệm về cân bằng tự nhiên.

- HS cá nhân quan sát Hình 46.1; nghiên cứu thông tin phần 1 SGK/188; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/188 và rút ra kết luận về trạng thái cân bằng của quần thể.

- HS cá nhân quan sát Hình 46.2; nghiên cứu thông tin phần 2 SGK/189; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/189 và rút ra kết luận về khống chế sinh học trong quần xã.

- HS cá nhân quan sát Hình 46.3, 46.4; nghiên cứu thông tin phần 3 SGK/189; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/190 và rút ra kết luận về cân bằng tự nhiên trong hệ sinh thái.

**c.****Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS.

**d.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS nghiên cứu thông tin phần I SGK/188 và đưa ra khái niệm về cân bằng tự nhiên.  - GV cho HS cá nhân quan sát Hình 46.1; nghiên cứu thông tin phần 1 SGK/188; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/188:  *Khi số lượng cá thể của quần thể tăng lên quá mức, quần thể sẽ tự điều chỉnh như thế nào để đưa số lượng cá thể trở về mức cân bằng?*  - GV choHS rút ra kết luận về trạng thái cân bằng của quần thể.  - GV choHS cá nhân quan sát Hình 46.2:  IMG_256  - GV choHS nghiên cứu thông tin phần 2 SGK/189; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/189:  *Quan sát Hình 46.2, em hãy cho biết số lượng cá thể thỏ tuyết và linh miêu khống chế lẫn nhau như thế nào?*  - GV choHS rút ra kết luận về khống chế sinh học trong quần xã.  - GV cho HS cá nhân quan sát Hình 46.3, 46.4:  IMG_256  IMG_256  - GV cho HS nghiên cứu thông tin phần 3 SGK/189; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/190:  *1, Quan sát Hình 46.3, cho biết sự phân tầng của các quần thể thực vật trong hình phù hợp như thế nào với điều kiện môi trường.*  *2, Quan sát Hình 46.4,  phân tích một số mối quan hệ dinh dưỡng giữa các loài và cho biết loài sinh vật nào chịu ảnh hưởng lớn nhất đến sự tồn tại của các loài khác trong quần xã. Tại sao?*  - GV cho HS rút ra kết luận về cân bằng tự nhiên trong hệ sinh thái.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghiên cứu thông tin phần I SGK/188 và đưa ra khái niệm về cân bằng tự nhiên.  - HS cá nhân quan sát Hình 46.1; nghiên cứu thông tin phần 1 SGK/188; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/188, rút ra kết luận về trạng thái cân bằng của quần thể.  - HS cá nhân quan sát Hình 46.2; nghiên cứu thông tin phần 2 SGK/189; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/189 và rút ra kết luận về khống chế sinh học trong quần xã.  - HS cá nhân quan sát Hình 46.3, 46.4; nghiên cứu thông tin phần 3 SGK/189; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/190 và rút ra kết luận về cân bằng tự nhiên trong hệ sinh thái.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS các nhóm trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS rút ra kết luận về trạng thái cân bằng của quần thể, khống chế sinh học, và cân bằng tự nhiên trong hệ sinh thái.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức | **I. Khái niệm cân bằng tự nhiên.**  - Cân bằng tự nhiên là trạng thái ổn định tự nhiên của các cấp độ tổ chức sống, hướng tới sự thích nghi cao nhất với điều kiện sống.  - Cân bằng tự nhiên biểu hiện ở trạng thái cân bằng của quần thể, hiện tượng khống chế sinh học trong quần xã, trạng thái ổn định tự nhiên của hệ sinh thái,...  **1. Trạng thái cân bằng của quần thể.**  *Gợi ý câu trả lời câu hỏi thảo luận nhóm:*  *Khi số lượng cá thể của quần thể tăng lên quá mức, quần thể sẽ tự điều chỉnh bằng cách: Các các thể trong quần thể có sự cạnh tranh gay gắt về nguồn thức ăn và nơi ở làm cho mức tử vong tăng và mức sinh sản giảm, đồng thời, tỉ lệ cá thể xuất cư cũng có thể tăng cao. Nhờ đó, số lượng cá thể của quần thể lại được điều chỉnh giảm xuống trở về quanh mức cân bằng.*  **KL:**  Quần thể có khả năng tự điều chỉnh số lượng cá thể khi số cá thể giảm xuống quá thấp hoặc tăng lên quá cao, dẫn tới trạng thái cân bằng của quần thể. Khi đó, quần thể có số lượng cá thể ổn định và phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.  **2. Khống chế sinh học trong quần xã.**  *Gợi ý câu trả lời câu hỏi thảo luận nhóm:*  *Số lượng cá thể thỏ tuyết và linh miêu khống chế lẫn nhau thông qua hiện tượng khống chế sinh học: Khi số lượng cá thể của quần thể thỏ tuyết tăng (nguồn thức ăn của linh miêu dồi dào) thì số lượng cá thể của quần thể linh miêu cũng tăng. Nhưng khi số lượng cá thể linh miêu tăng dần cùng với số lượng thỏ tuyết quá lớn dẫn đến sự cạnh tranh cùng loài thì số lượng thỏ tuyết sẽ giảm dần kéo theo sự giảm dần số lượng linh miêu.*  **KL:**  - Số lượng cá thể của quần thể này được khống chế ở mức nhất định bởi quần thể kia và ngược lại, hiện tượng này được gọi là khống chế sinh học.  - Trong nông nghiệp, việc sử dụng thiên địch để phòng trừ sinh vật gây hại hay dịch bệnh thay cho thuốc hóa học là ứng dụng hiện tượng khống chế sinh học.  **3. Cân bằng tự nhiên trong hệ sinh thái.**  *Gợi ý câu trả lời câu hỏi thảo luận nhóm:*  *1, Sự phân tầng của các quần thể thực vật trong hình phù hợp với điều kiện ánh sáng của môi trường: Các cây ưa sáng như cây gỗ lớn sẽ phát triển ở tầng trên để có thể hấp thụ lượng ánh sáng tối đa, tiếp theo là tầng thân gỗ vừa và nhỏ cần ánh sáng ở mức độ vừa và trung bình, tầng cây bụi nhỏ và cỏ phân bố ở sàn rừng gồm các cây ưa bóng có nhu cầu ánh sáng thấp. Sự phân tầng của các quần thể làm tăng khả năng sử dụng nguồn ánh sáng trong hệ sinh thái, đồng thời, làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các loài trong hệ sinh thái.*  *2, - Một số mối quan hệ về dinh dưỡng giữa các loài: Cỏ là thức ăn của các loài động vật như thỏ, chuột và châu chấu. Thỏ là thức ăn của cáo, đại bàng; chuột là thức ăn của cáo, cú và đại bàng; châu chấu là thức ăn cho ếch và chim,…*  *- Loài sinh vật có ảnh hưởng lớn nhất đến sự tồn tại của các loài trong quần xã là loài cỏ. Vì nếu số lượng loài cỏ suy giảm, số lượng các loài sử dụng cỏ làm thức ăn như thỏ, chuột và châu chấu cũng sẽ giảm, dẫn tới ảnh hưởng đến số lượng của các sinh vật các ở mắt xích phía trên.*  **KL:**  Cân bằng tự nhiên trong hệ sinh thái là trạng thái ổn định tự nhiên của hệ sinh thái, thể hiện ở sự phân bố các quần thể trong hệ sinh thái phù hợp với điều kiện sống, mối quan hệ dinh dưỡng giữa các loài trong quần xã, đảm bảo sự ổn định và cân bằng với môi trường. Bên cạnh đó, cân bằng tự nhiên trong hệ sinh thái còn thể hiện ở sự thay đổi của quần xã sinh vật theo chu kì mùa và chu kì ngày đêm. |

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên và các biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên.**

**a. Mục tiêu:**

- Trình bày được các nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên.

- Phân tích được một số biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên.

**b. Nội dung:**

- HS nghiên cứu thông tin phần II SGK/190, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/190.

- HS rút ra kết luận về nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên và các biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên.

**c.****Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS.

**d.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS nghiên cứu thông tin phần II SGK/190, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/190:  *1, Trong các nguyên nhân trên, hãy cho biết những nguyên nhân nào có tác động mạnh gây mất cân bằng tự nhiên ở Việt Nam?*  *2, Tìm hiểu và nêu thêm các biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên.*  - Gv cho HS rút ra kết luận về nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên và các biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghiên cứu thông tin phần II SGK/190, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/190.  - HS rút ra kết luận về nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên và các biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS các nhóm trả lời câu hỏi, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS rút ra kết luận về nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên và các biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức  - GV cho HS đọc thông tin mục Em có biết SGK/190.  - GV cho HS hệ thống lại các nội dung chính của bài theo mục Em đã học SGK/190.  - GV cho HS thực hiện mục Em có thể tại nhà, báo cáo kết quả vào đầu giờ học sau. | **II. Nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên và các biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên.**  *Gợi ý câu trả lời câu hỏi thảo luận nhóm:*  *1, Những nguyên nhân có tác động mạnh gây mất cân bằng tự nhiên ở Việt Nam là: các hoạt động của con người như phá rừng và săn bắt động vật hoang dã, khai thác tài nguyên quá mức, chất thải sinh hoạt và công nghiệp gây ô nhiễm môi trường,…*  *2, Một số biện pháp khác góp phần bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên:*  *- Hạn chế phát triển dân số quá nhanh.*  *- Kiểm soát du nhập các loài sinh vật ngoại lai.*  *- Tuyên truyền cho mọi người hiểu biết về hậu quả của mất cân bằng tự nhiên, từ đó, nâng cao ý thức chung tay thực hiện các biện bảo bảo vệ và duy trì cân bằng tự nhiên.*  **KL:**  - Nguyên nhân mất cân bằng tự nhiên:  + Do hoạt động của con người: phá rừng và săn bắt động vật hoang dã, khai thác tài nguyên quá mức, chất thải sinh hoạt và công nghiệp gây ô nhiễm môi trường,...  + Thảm họa thiên tai: động đất, núi lửa, chạn hán  - Để bảo vệ và duy trì cân bằng tự nhiên cần :  + Thực hiện các biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường.  + Điều tiết cấu trúc thành phần trong hệ sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu,...  + Khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Sử dụng kiến thức đã học để trả lời được các câu hỏi trắc nghiệm.

**b. Nội dung:** HS cá nhân trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

**c.****Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS.

**d.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV Cho HS cá nhân trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:  **Câu 1:** Hiện tượng khống chế sinh học trong quân xã dẫn đến hệ quả nào sau đây?  A. Đảm bảo cân bằng sinh thái.  B. Làm cho quân xã không phát triển được.  C. Làm mắt cân bằng sinh thái.  D. Đảm bảo khả năng tồn tại của quần xã.  **Câu 2:** Nguyên nhân chủ yếu làm mất cân bằng sinh thái là do:  A. Hoạt động của con người. B. Hoạt động của sinh vật.  C. Hoạt động của núi lửa. D. Cả A và B.  **Câu 3:** Số lượng cá thể trong quần xã thay đổi theo những điều kiện của ngoại cảnh. Tuy nhiên, số lượng cá thể luôn luôn được khống chế ở mức độ nhất định phù hợp với khả năng của môi trường. Hiện tượng này được gọi là gì ?  A. Sự bất biến của quần xã.  B. Sự phát triển của quần xã.  C. Sự giảm sút của quần xã.  D. Sự cân bằng sinh học trong quần xã.  **Câu 4:** Một quần thể chim sẻ có số lượng cá thể ở các nhóm tuổi như sau:  - Nhóm tuổi trước sinh sản: 53 con/ha - Nhóm tuổi sinh sản: 29 con/ha - Nhóm tuổi sau sinh sản: 17 con/ha  Biểu đồ tháp tuổi của quần thể này đang ở dạng nào?  A. Vừa ở dạng ổn định vừa ở dạng phát triển.  B. Dạng phát triển.  C. Dạng giảm sút.  D. Dạng ổn định.  **Câu 5:** Tháp dân số thể hiện:  A. Đặc trưng dân số của mỗi nước.  B. Thành phần dân số của mỗi nước.  C. Nhóm tuổi dân số của mỗi nước.  D. Tỉ lệ nam/nữ của mỗi nước.  **Câu 6:** Tháp dân số thể hiện:  A. Đặc trưng dân số của mỗi nước.  B. Thành phần dân số của mỗi nước.  C. Nhóm tuổi dân số của mỗi nước.  D. Tỉ lệ nam/nữ của mỗi nước.  **Câu 7:** Hiện tượng tăng dân số cơ học là do:  A. Tỉ lệ sinh cao hơn nhiều so với tỉ lệ tử vong  B. Tỉ lệ sinh và tỉ lệt tử vong bằng nhau  C. Số người  nhập cư nhiều hơn lượng người xuất cư  D. Lượng người xuất cư nhiều hơn lượng người nhập cư  **Câu 8:** Mật độ của quần thể động vật tăng khi nào?  A. Khi điều kiện sống thay đổi đột ngột như lụt lội, cháy rừng, dịch bệnh, ...  B. Khi khu vực sống của quần thể mở rộng.  C. Khi có sự tách đàn của một số cá thể trong quần thể.  D. Khi nguồn thức ăn trong quần thể dồi dào.  **Câu 9:** Sinh vật nào sau đây luôn là mắt xích chung trong các chuỗi thức ăn?  A. Cây xanh và động vật ăn thịt.  B. Cây xanh và sinh vật tiêu thụ.  C. Động vật ăn thịt,  vi khuẩn và nấm.  D. Cây xanh, vi khuẩn và nấm.  **Câu 10:**  Hậu quả gây nên cho môi trường tự nhiên do con người săn bắt động vật quá mức là  A. Động vật mất nơi cư trú  B. Môi trường bị ô nhiễm  C. Nhiều loài có nguy cơ bị tiệt chủng, mất cân bằng sinh thái  D. Nhiều loài trở về trạng thái cân bằng  **Câu 11:** Một quần thể chuột đồng có số lượng cá thể ở các nhóm tuổi như sau:  - Nhóm tuổi trước sinh sản 44 con/ha. - Nhóm tuổi sinh sản: 43 con/ha - Nhóm tuổi sau sinh sản: 21 con/ha  Biểu đồ tháp tuổi của quần thể này đang ở dạng nào?  A. Dạng ổn định.  B. Dạng phát triển.  C. Dạng giảm sút.  D. Vừa ở dạng ổn định vừa ở dạng phát triển.  **Câu 12:** Một quần thể hươu có số lượng cá thể ở các nhóm tuổi như sau:  - Nhóm tuổi trước sinh sản: 25 con/ha - Nhóm tuổi sinh sản: 45 con/ha - Nhóm tuổi sau sinh sản: 15 con/ha  Biểu đồ tháp tuổi của quần thể này đang ở dạng nào?  A. Dạng phát triển.  B. Dạng ổn định.  C. Vừa ở dạng ổn định vừa ở dạng phát triển.  D. Dạng giảm sút.  **Câu 13:** Trong quần xã loài ưu thế là loài:  A. Có số lượng ít nhất trong quần xã.  B. Có số lượng nhiều trong quần xã.  C. Phân bố nhiều nơi trong quần xã.  D. Có vai trò quan trọng trong quần xã.  **Câu 14:** Tác động xấu của con người đối với môi trường tự nhiên  A. Chặt phá rừng bừa bãi, khai thác tài nguyên thiên nhiên  B. Khai thác tài nguyên thiên nhiên, săn bắt động vật hoang dã  C. Săn bắt động vật hoang dã, chặt phá rừng bừa bãi  D. Chặt phá rừng bừa bãi, săn bắt động vật hoang dã, khai thác tài nguyên thiên nhiên  **Câu 15:** Số lượng cá thể trong quần xã luôn được khống chế ở mức độ nhất định phù hợp với khả năng của môi trường. Hiện tượng này gọi là:  A. Sự cân bằng sinh học trong quần xã.  B. Sự phát triển của quần xã.  C. Sự giảm sút của quần xã.  D. Sự bất biến của quần xã.  **Câu 16:** Chỉ số thể hiện mật độ cá thể của từng loài trong quần xã là:  A. Độ đa dạng. B. Độ nhiều.  C. Độ thường gặp. D. Độ tập trung.  **Câu 17:** Chỉ số thể hiện tỉ lệ % số địa điểm bắt gặp một loài trong tổng số địa điểm quan sát ở quần xã là:  A. Độ đa dạng. B. Độ nhiều.  C. Độ thường gặp. D. Độ tập trung.  **Câu 18:** Đặc trưng nào quy định tốc độ phát triển của quần thể ?  A. Tỉ lệ giởi tính. B. Sự sinh sản và sự tử vong,  C. Thành phần nhóm tuổi. D. Mật độ.  **Câu 19:** Nguyên nhân gây cháy nhiều khu rừng thời nguyên thuỷ là do  A. Con người dùng lửa để lấy ánh sáng  B. Con người dùng lửa để nấu nướng thức ăn .  C. Con người dùng lửa sưởi ấm .  D. Con người đốt lửa dồn thú dữ vào các hố sâu để bắt.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS cá nhân trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải thích.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lần lượt trả lời từng câu hỏi trắc nghiệm.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV Nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **III. Luyện tập**  ***Đáp án câu hỏi trắc nghiệm:***  **Câu 1:** A  **Câu 2:** A  **Câu 3:** D  **Câu 4**: B  **Câu 5:** A  **Câu 6**: A  **Câu 7:** C  **Câu 8**: D  **Câu 9**: D  **Câu 10**: C  **Câu 11**: A  **Câu 12**: D  **Câu 13**: D    **Câu 14:** D    **Câu 15**: A    **Câu 16:** B  **Câu 17:** C  **Câu 18:** B  **Câu 19**: D |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết tình huống thực tiễn.

**b. Nội dung:**HS vận dụng kiến thức giải quyết các tình huống thực tiễn.

**c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện bài tập của học sinh.

**d.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  **Câu 1.** Lấy thêm ví dụ thể hiện sự cân bằng tự nhiên.  **Câu 2.** Nêu một số hoạt động của người dân ở địa phương em có thể làm mất cân bằng tự nhiên.  **Câu 3.** Nêu ý nghĩa của một số biện pháp bảo vệ động vật hoang dã.  **Câu 4.**Tại sao các loài sinh vật ngoại lai như: ốc bươu vàng, rùa tai đỏ, tôm hùm đất,… có thể gây mất cân bằng tự nhiên và gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sản xuất nông nghiệp.  **Câu 5.** Quan sát chuỗi thức ăn ở hình 42.1 và cho biết nếu rắn bị tiêu diệt quá mức sẽ dẫn tới hậu quả gì.  IMG_256    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS: Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS: Các nhóm báo cáo kết quả hoạt động.  HS: Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **IV. Vận dụng.**  *Hướng dẫn trả lời câu hỏi thảo luận:*  **Câu 1.** Ví dụ thể hiện sự cân bằng tự nhiên: Sự cân bằng tự nhiên xảy ra giữa quần thể sâu và chim ăn sâu: Khi số lượng chim tăng cao, chim ăn nhiều sâu → số lượng sâu giảm → không đủ thức ăn cho chim sâu → số lượng chim sâu giảm → số lượng sâu tăng. Như vậy, số lượng sâu và chim ăn sâu luôn được duy trì ở mức cân bằng.  **Câu 2.** Một số hoạt động của người dân có thể làm mất cân bằng tự nhiên:  - Chặt phá rừng.  - Săn bắt, tiêu diệt quá mức các loài động vật hoang dã.  - Du nhập vào hệ sinh thái các loài sinh vật lạ.  - Gây ô nhiễm môi trường sống: xả rác bừa bãi, lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, xả nước thải công nghiệp chưa qua xử lí,…  **Câu 3.** Ý nghĩa của một số biện pháp bảo vệ động vật hoang dã:   |  |  | | --- | --- | | **Biện pháp** | **Ý nghĩa của biện pháp** | | - Xây dựng kế hoạch hành động quốc gia về tăng cường kiểm soát các hoạt động săn bắn, buôn bán động vật hoang dã. | - Răn đe, ngăn chặn , từ đó, giúp giảm thiểu tối đa các hành vi săn bắn, buôn bán động vật hoang dã. | | - Tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ các loài động vật hoang dã,… | - Giúp người dân hiểu rõ về vai trò và tầm quan trọng của việc bảo vệ các loài động vật hoang dã, từ đó, nâng cao ý thức bảo vệ động vật hoang dã. | | - Bảo vệ các khu rừng và biển; Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, các vườn quốc gia,… | - Giúp bảo vệ môi trường sống của các loài động vật hoang dã. |   **Câu 4.** Các loài sinh vật ngoại lai như: ốc bươu vàng, rùa tai đỏ, tôm hùm đất,… có thể gây mất cân bằng tự nhiên và gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sản xuất nông nghiệp vì:  - Các loài sinh vật ngoại lai sinh sản nhanh, thích nghi nhanh với những thay đổi của môi trường dẫn đến tình trạng cạnh tranh nguồn thức ăn và môi trường sống với sinh vật bản địa.  - Nhiều loài sinh vật ngoại lai sử dụng các cây nông nghiệp hoặc các loài sinh vật bản địa làm thức ăn dẫn tới thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp, suy giảm nguồn gene.  **Câu 5.** Nếu rắn bị tiêu diệt quá mức sẽ dẫn tới hậu quả là: Số lượng đại bàng sẽ giảm do bị thiếu nguồn thức ăn. Còn số lượng chuột sẽ tăng lên nhanh chóng do không còn bị rắn kìm hãm số lượng, dẫn đến gây thiệt hại lớn cho mùa màng do chuột sử dụng lúa làm thức ăn. |

**\* Hướng dẫn HS tự học ở nhà**

1. Ôn tập lại các kiến thức bài 46.

2. Làm bài tập bài 46 trong SBT

3. Đọc trước nội dung bài 47: Bảo vệ môi trường.